

Bản án số: 51/2017/HSST
Ngày 24 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Long

- *Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Lò Thanh Tuyền

+ Ông: Hồ Thanh Sơn

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*

Bà: Lê Thị Lệ Quyên Cán bộ TAND thành phố Lai Châu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu:*

Bà: Nguyễn Thị Dịu Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2017 mở phiên tòa công khai sơ thẩm lưu động tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu để xét xử vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/HSST-QĐ ngày 13/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tiến T1**

Sinh năm: 1991 tại tỉnh Thái Bình; Tên gọi khác: Không

Nguyên quán: xã Tân Hoà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 4A, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2017 cho đến nay (có mặt)

Con ông Nguyễn Tiến Tĩnh và bà Vũ Thị Dung. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có vợ là Liễu Thị Minh Thu và chưa có con.

2. Họ và tên: **Lù Văn T2**

Sinh năm: 1992 tại tỉnh Thái Bình; Tên gọi khác: Không

Nguyên quán: xã Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12.

Tiền án: không.

Tiền sự: có 01 tiền sự, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục theo quyết định 447/QĐ-UBND ngày 04/5/2012, đã chấp hành xong ngày 07/5/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2017 cho đến nay (có mặt)

Con ông Trần Duy Trường và bà Lù Thị Sang. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 16/6/2017 tổ công tác của đội Kinh tế và ma túy Công an thành phố Lai Châu làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 07, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu. Phát hiện đối tượng Nguyễn Tiến T1 (sinh năm 1991; trú tại tổ 4A, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu) đang đi bộ trên đường bê tông sau Sân vận động thành phố Lai Châu, có biểu hiện nghi vấn phạm tội. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, T1 khai nhận là có sử dụng ma túy và tự nguyện giao nộp một gói chất rắn màu trắng, bên ngoài là nilon màu xanh, lớp bên trong là mảnh giấy đỏ đen, T1 khai nhận gói chất rắn đó là hêrôin. Tổ công tác lập biên bản đưa đối tượng cùng tang vật về trụ sở làm rõ.

Tại cơ quan điều tra T1 khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 ngày 16/6/2017 T1 đang ở nhà thì có Lù Văn T2 (sinh năm 1992; trú tại tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu) gọi điện thoại nhờ mua hêrôin về để cùng nhau sử dụng. Sau đó cả hai hẹn nhau ra quán nước gần cổng chính sân vận động Thành phố Lai Châu. Khi gặp nhau T2 đưa cho T1 500.000VNĐ (01 tờ polime 500.000), T1 cầm tiền đi vào khu vực phía sau sân vận động thì gặp một người đàn ông (không biết tên và địa chỉ) giống người nghiện, T1 hỏi người đó có hêrôin bán không, người đó nói có. T1 đưa cho người đó 500.000VNĐ, người đó cầm tiền và lấy trong người ra đưa cho T1 một gói nilon màu xanh, T1 cầm trong lòng bàn tay phải và đi về quán nước đưa cho T2 thì bị cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ cùng tang vật 01 gói hêrôin và 01 điện thoại di động NOKIA E71.

Căn cứ lời khai của T1, cùng ngày 16/6/2017 Cơ quan điều tra ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lù Văn T2. Tại cơ quan điều tra T2 khai nhận hoàn toàn phù hợp với lời khai của T1, cơ quan điều tra thu giữ của T2 01 điện thoại di động IPHONE.

Cùng ngày 16/6/2017 Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong, cân tịnh trọng lượng (BL44): Tang vật thu giữ của T1 có trọng lượng là 0,41gam và đã gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại.

Kết luận giám định số 235/GĐ-KTHS ngày 25/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu (BL47) đã kết luận: *Mẫu vật gửi đến giám định là Hêrôin.*

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 37/KSĐT-MT ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (BL98-100) đã truy tố Nguyễn Tiến T1 và Lù Văn T2 đều về tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên; ngoài ra bị cáo T2 còn khai nhận và trong hồ sơ thể hiện theo quyết định số 447/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ngày 04/5/2012, bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng, nơi chấp hành Cơ sở giáo dục Thanh Hà – Vĩnh Phúc. Cơ quan điều tra không cung cấp được căn cứ xác nhận bị cáo đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính. Tại phiên tòa bị cáo T2 khai nhận chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục và trở về địa phương từ ngày 07/5/2014.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Tiến T1 và Lù Văn T2 đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo biết tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1, điều 46, điều 20; điều 53/BLHS năm 1999; Khoản 3 điều 7; điểm c khoản 1 điều 249/BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm khoản q khoản 1 điều 46/BLHS năm 1999 đối với bị cáo T2. Tuyên bố các bị cáo phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**"; Xử phạt bị cáo T1 từ 18 đến 24 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2017; Xử phạt bị cáo T2 từ 12 đến 18 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2017; Miễn hình phạt bổ sung; xử lý tang vật.

Qua quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên, các bị cáo đều nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 16/6/2017 sau khi trao đổi với nhau, Nguyễn Tiến T1 cầm 500.000VNĐ do Lù Văn T2 đưa và đi mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ được 01 gói hêrôin có trọng lượng 0,41gam tại khu vực tổ 7, phường Đoàn Kết thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Khi đang trên đường về đưa cho T2 thì bị phát hiện bắt giữ, T2 không là người trực tiếp mua ma túy tuy nhiên số tiền mua ma túy là của T2, đồng thời T2 bàn bạc với T1 sau khi mua được ma túy sẽ cùng nhau sử dụng, mặt khác theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.7 mục 3 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 T2 phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm đối với số ma túy thu giữ của T1. Theo quy định tại khoản 1 điều 194/BLHS năm 1999: *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.* Các bị cáo ý thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật tuy nhiên để thoả mãn cho nhu cầu của bản thân các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"***.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh trong quần chúng nhân dân.

Nhân thân bị cáo T1: được đi học hết lớp 12/12 rồi ở nhà, lao động tự do. Bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho nhu cầu của bản thân. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46/BLHS;

Nhân thân bị cáo T2: được đi học hết lớp 12/12 rồi ở nhà, lao động tự do. Trước đây bị cáo có một tiền sự, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục theo quyết định 447/QĐ-UBND ngày 04/5/2012, đã chấp hành xong; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, ngày 15/8/2017 Cơ quan điều tra công an thành phố Lai Châu có công văn số 96/CV đề nghị Toà án nhân dân thành phố Lai Châu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Lù Văn T2 vì đã có công cung cấp thông tin giúp Công an thành phố bắt giữ, khởi tố vụ án số 38, Quyết định khởi tố bị can số 69 ngày 14/7/2017; mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho nhu cầu của bản thân. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1 điều 46/BLHS; Do chính sách pháp luật thay đổi, thực hiện chính sách có lợi cho các bị cáo vì vậy cần phải áp dụng khoản 3 điều 7; điểm c khoản 1 điều 249/BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 đối với các bị cáo:

- Khoản 1 điều 249/BLHS năm 2015 quy định: *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

c) Hêrôin có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05gam.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình, do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cho gia đình.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 194/BLHS quy định: *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.* Do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, tuy nhiên các bị cáo nghiện, là lao động tự do, không có tài sản riêng, mặt khác còn phải chấp hành hình phạt tù nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong hồ sơ còn thể hiện bị cáo T2 là người dân tộc thiểu số, mẹ bị cáo được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, tuy nhiên HĐXX xét thấy bị cáo sinh sống tại thành phố Lai Châu, trình độ học vấn 12/12, có nhận thức tốt, mẹ được tặng Bằng khen, đối chiếu với quy định của pháp luật không có tình tiết giảm nhẹ nào quy định tại điều 46/BLHS thoả mãn vì vậy không chấp nhận tình tiết này.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi không có sự bàn bạc, phân công, nên HĐXX xác định đây là trường hợp đồng phạm giản đơn.

Đối với người đã bán ma túy cho bị cáo T1, bị cáo không biết tên và địa chỉ, khi mua bán không có ai làm chứng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Vật chứng của vụ án là: 0,41gam hêrôin, đã gửi giám định không hoàn lại nên HĐXX không xem xét.

01 điện thoại di động NOKIA E71 thu giữ của Nguyễn Tiến T1 kèm 01 sim; 01 điện thoại di động IPHONE thu giữ của Lù Văn T2 kèm 01 sim. Đây là phương tiện các bị cáo liên lạc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy cần tịch thu hoá giá, sung công quỹ nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 98; 99/BLTTHS và Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến T1** và **Lù Văn T2** phạm tội ***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”***.

2. Áp dụng:

- Khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46; điều 20; điều 53/BLHS năm 1999. khoản 3 điều 7; điểm c khoản 1 điều 249/BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 đối với bị cáo Nguyễn Tiến T1.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến T1** 18 (mười tám) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/6/2017.

- Khoản 1 điều 194; điểm p, q khoản 1 điều 46; điều 20; điều 53/BLHS năm 1999. khoản 3 điều 7; điểm c khoản 1 điều 249/BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 đối với bị cáo Lù Văn T2.

Xử phạt bị cáo **Lù Văn T2** 12 (mười hai) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/6/2017.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41/BLHS; điểm a khoản 2 điều 76/BLTTHS:

Tịch thu 01 điện thoại di động NOKIA E71 màu trắng, số IMEI 358240038350989 thu giữ của Nguyễn Tiến T1 kèm 01 sim số 01663676007 (đã được niêm phong bằng phong bì công văn do Công an thành phố Lai Châu phát hành); 01 điện thoại di động IPHONE màu đen bạc, IMEI 990002783270125 thu giữ của Lù Văn T2 kèm 01 sim số 0868137505 (đã được niêm phong bằng phong bì công văn do Công an thành phố Lai Châu phát hành). Đây là phương tiện các bị cáo liên lạc mua bán tàng trữ trái phép chất ma túy hoá giá, sung công quỹ nhà nước.

Tang vật trên đang được lưu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu. Tình trạng tang vật như biên bản giao giữa Công an và Chi cục THA dân sự thành phố Lai Châu ngày 07/9/2017.

4. Áp dụng điều 98; 99/BLTTHS, Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

5. Áp dụng điều 234/BLTTHS các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi gửi:

- Toà án Tỉnh.
- VKS Tp Lai Châu.
- Thi hành án DS.
- Nhà tạm giữ.
- Bị cáo.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Đức Long